TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **585**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Khiết**.

2. Bà **Lê Thị Tố Nữ**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phi Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1802/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HPT ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Tuyết V**, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).
Thường trú: đường L, khu phố 7, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đặng Hồng V1**, sinh năm 1984 (Vắng mặt không rõ lý do).
Thường trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: đường L, kp 8, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 06 tháng 12 năm 2017 và bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn là bà Lương Tuyết V trình bày: Bà và ông Đặng Hồng V1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, cấp ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh**.** Trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm vì không thể hiểu nhau, cả hai đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm giữa bà và ông V1 không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V1. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác thì bà xác định hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông V1 vẫn vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc, hòa giải nên ông V1 không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Lương Tuyết V có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 10/4/2018 và gửi cho Tòa án, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V1.

Bị đơn: Ông V1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà V nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lương Tuyết V và ông Đặng Hồng V1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của bà V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác bà V khai nhận không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà V có đơn yêu cầu ly hôn với ông V1, ông V1 hiện đang thực tế cư trú tại số nhà đường L, kp 8, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông V1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà V nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V1 là phù hợp.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà V và ông V1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Yêu cầu của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự

tin tưởng, yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chăm lo hạnh phúc gia đình. Hiện tại, bà V đã không còn tha thiết chung sống với ông V1, cả hai đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông V1, ông V1 thì vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến gì, điều này cũng thể hiện ông cũng không có thiện chí muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ đó nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà V và ông V1 đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V do hai vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà V khai nhận, hai bên không có con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043077 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Tuyết V.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Lương Tuyết V được ly hôn với ông Đặng Hồng V1.

Về con chung**:** Bà V khai nhận, hai bên không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét;

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự: Bà V khai nhận, hai bên không có tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lương Tuyết V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0043077 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến